

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Dương Văn Tính
- Ông Nguyễn Hoàng Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.
- Bị đơn:*** Anh Lê Quốc D, sinh năm 1980. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 1, xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT. Chỗ ở hiện nay: ấp 1, xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D cưới nhau ngày 18 tháng 7 năm 2003 âm lịch. Hôn nhân do mai mối. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT. Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên gia đình nhà chồng. Cuộc

sống vợ chồng lúc đầu cũng hạnh phúc. Khoảng 02-03 năm nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không lo làm ăn để lo cho vợ con mà chỉ chơi bời, uống rượu, chị có khuyên can nhưng không được. Khoảng tháng 12 năm 2022 cho đến nay thì chị và anh D vẫn sống chung nhà nhưng không ăn cơm chung, không ngủ chung, cũng không quan tâm gì tới nhau. Ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn nào khác. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Quốc D.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung, con trai Lê Vĩnh K, sinh ngày 03/12/2004 và con gái Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 17/11/2011, con chung Vĩnh K đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, con chung Mỹ N hiện đang sống cùng chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Mỹ N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang bán bánh mì thu nhập hàng tháng trừ đi tiền sinh hoạt cá nhân còn dư khoảng 1.000.000đ-2.000.000đ, đủ để chị nuôi dưỡng con chung. Anh D thì làm thuê vác lúa mướn mỗi ngày được khoảng 200.000đ nhưng không có phụ tiền chi để nuôi dưỡng con chung cũng như không có chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Quốc D, trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Không nhớ anh và chị D cưới nhau khi nào, chỉ nhớ cách đây khoảng 21-22 năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 1, vợ chồng cưới nhau do mai mối. Sau khi cưới anh và chị D sống cùng gia đình anh thời gian rồi đi làm. Hiện anh và chị D đang sống tại ấp 1, xã 1, huyện HN. Anh ít uống rượu, không có chơi bời, sáng anh phụ chị D buôn bán, rồi về nhà cha mẹ ruột ở xã 2 chơi, gần đây do uống rượu say nên anh có đánh chị D một bạt tay, trung bình mỗi tháng anh cũng có đi vác lúa thuê từ 03-04 lần, mỗi lần thu nhập được từ 200.000đ - 500.000đ. Anh và chị D vẫn sống chung nhà, ăn con chung, ngủ chung nhưng cách nay 10 ngày chị D đã đi làm ở Bình Dương và cũng có gọi điện thoại về cho anh, kêu anh ở nhà lo cho con chung. Khi chị D nộp đơn khởi kiện, anh có năn nỉ, hứa sửa đổi và kêu chị D rút đơn kiện nhưng chị D không đồng ý. Anh không đồng ý ly hôn, vì con chung không đồng ý cho anh và chị D ly hôn. Về nuôi con chung: Con trai lớn Lê Vĩnh K, hiện đã 19 tuổi và đang làm tại Casino, hàng tháng đưa cho anh và chị D 800.000đ để lo cho gia đình, con chung Vĩnh K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung Lê Thị Mỹ N, sinh năm 2011 hiện đang ở nhà bà ngoại, từ khi chị D đi làm ở Bình Dương, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Mỹ N và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Khi còn sống chung nhà thì tiền học hành, tiền điện nước, tiền chợ do chị D chi trả, vì anh đi làm đưa tiền cho chị D. Anh cũng không biết hiện chị D làm nghề gì, thu nhập bao nhiêu tiền, còn anh vác lúa mướn, có khi làm thợ hồ nhưng ai kêu thì anh mới đi làm, không rõ mỗi tháng thu nhập

được bao nhiêu tiền nhưng anh có khả năng nuôi dưỡng con chung Mỹ N. Tài sản chung anh và chị D có 01 căn nhà bằng cây, nền lát gạch, có chiều ngang hơn 03m chiều dài khoảng 11m, cất trên đất của người khác do anh quản lý và 01 chiếc xe Honda, không rõ biển số xe, hiện do chị D đang quản lý. Anh và chị D tự thỏa tài sản chung, không có tranh chấp về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị D không có thiếu nợ ai, vợ chồng làm có bao nhiêu ăn bao nhiêu.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ D, cho chị D được ly hôn với anh Lê Quốc D. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 17/11/2011 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị D không yêu cầu, còn con chung Lê Vĩnh K, sinh ngày 03/12/2004 đã trưởng thành nên không đề cập đến, về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Mỹ D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị với anh Lê Quốc D. Hiện anh D đang cư trú tại ấp 1, xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị D theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ D và anh Lê Quốc D được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 154, ngày 14/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã 1, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mỹ D là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị D, anh D đều thừa nhận đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã động viên để chị D

đoàn tụ với anh D nhưng chị D vẫn cương quyết ly hôn, vì anh D không lo làm ăn. Anh D không đồng ý ly hôn, vì cho rằng con chung không đồng ý cho anh và chị D ly hôn. Nhưng anh D thừa nhận hiện chị D đã đi làm tại Bình Dương nên vợ chồng không còn sống chung, anh có đánh chị D, có năn nỉ chị D rút đơn kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng chị D không đồng ý. Mặt khác, khi Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh D không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị D với lý do anh D bận công việc. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa chị D, anh D không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị D yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Lê Quốc D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Lê Vĩnh K, sinh ngày 03/12/2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được chị D, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 17/11/2011 chị D, anh D đều có yêu cầu được nuôi dưỡng. Xét về thu nhập để nuôi dưỡng con chung thì anh D làm thuê, thu nhập không ổn định. Mặt khác, khi chị D chưa đi Bình Dương làm thì con chung Mỹ N sống cùng chị D, anh D tuy nhiên khi chị D đi làm tại Bình Dương thì con chung Mỹ N lại đến sống tại nhà bà ngoại và đã được đảm bảo về mọi mặt. Đồng thời, con chung Mỹ N có nguyện vọng được sống cùng chị D. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung Mỹ N của anh D, nghĩ nên tiếp tục giao con chung Mỹ N cho chị D được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung: Chị D, anh D tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Về nợ chung: Chị D, anh D thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004232 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ D. Cho chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn với anh Lê Quốc D.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Con chung Lê Vĩnh K, sinh ngày 03/12/2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được.

2.2 Giao con chung Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 17/11/2011 cho chị Trần Thị Mỹ D được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3 Anh Lê Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D tự nguyện không yêu cầu.

2.4 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ D chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004232 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/4/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thùy Dung